

Thứ hai, ngày 9 tháng 8 năm 2021

Vietnam Daily Review

Vượt ngưỡng 1350 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/8/2021		•	
Tuần 9/8-13/8/2021			•
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index điều chỉnh nhẹ trong đầu giờ phiên nhưng nhanh chóng đảo chiều và duy trì đà tăng điểm đến hết phiên. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào thị trường khi có 18/19 nhóm ngành tăng điểm. Đồng thời, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích với thanh khoản không đổi so với phiên trước cho thấy tâm lý giao dịch tích cực của nhà đầu tư. Ngoài ra, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX trong khi bán ròng tại HNX. Với xu hướng dòng tiền nội và ngoại củng cố đà tăng, VN-Index có thể kiểm tra lại ngưỡng 1380 điểm trong các phiên giao dịch sắp tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 9/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Phân tích kỹ thuật: PVT_Tích cực (Trang 3)

Cập nhật: VNM (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index **+18.41** điểm, đóng cửa **1359.86**. HNX-Index **+5.22**, đóng cửa **330.68**.
- Kéo chỉ số tăng: **FTS (+2.98)**; **KSB (+1.81)**; **SFI(+1.58)**; **APH(+1.18)**; **vSC(+1.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **DHG (-0.46)**; **DCL (-0.32)**; **SMA (-0.21)**; **PVD (-0.20)**; **TCM (-0.19)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,567 tỷ đồng**, **+0.2%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 22,629 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 26.4 điểm. Thị trường có **271** mã tăng, 55 mã tham chiếu và **97** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **131.43** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (379.5 tỷ)**, **FUEVFNVD (71.5 tỷ)** và **HPG (51.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.33** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1359.86**
Giá trị: 20567.14 tỷ **18.41 (1.37%)**
Khối ngoại (ròng): 131.43 tỷ

HNX-INDEX **330.68**
Giá trị: 2976.03 tỷ **5.22 (1.6%)**
Khối ngoại (ròng): -13.33 tỷ

UPCOM-INDEX **89.38**
Giá trị: 1509 tỷ **1.1 (1.25%)**
Khối ngoại (ròng): -3.49 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	65.7	-3.76%
Giá vàng	1,747	-0.91%
Tỷ giá USD/VND	22,930	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,972	0.02%
Tỷ giá JPY/VND	20,816	0.04%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	5.55%
LS TPCP 5 năm	1.1%	1.06%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	379.5	VIC	87.4
FUEVFNVD	71.5	VNM	72.7
STB	51.5	CTG	63.4
SSI	48.5	NVL	52.6
PLX	24.3	DPM	42.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật doanh nghiệp	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 9/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	66.50	-2.61%	-6.70%	-7.90%	49.57%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	68.93	-2.50%	-5.40%	-5.90%	41.51%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	220.93	-2.11%	-2.90%	-1.20%	65.49%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1750.07	-0.74%	-3.50%	-2.90%	-9.27%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.95	-1.57%	-5.80%	-7.70%	-10.31%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1341.00	0.32%	-0.90%	1.60%	50.76%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	721.00	0.28%	-1.20%	16.70%	37.60%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.49	0.55%	0.80%	-3.90%	-1.26%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	198.60	0.67%	0.30%	-0.50%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.68	0.32%	4.30%	5.20%	47.55%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	176.00	-0.51%	-2.00%	17.40%	42.51%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9468.00	-0.25%	-2.70%	0.10%	50.10%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	823.67	-0.71%	-3.20%	-1.20%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	884.98	-0.56%	-3.00%	-0.50%			
Nhôm	USD/ton	2578.00	-0.39%	-0.50%	3.10%	45.57%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	133.52	-2.96%	-8.40%	-19.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	134.30	1.40%	3.10%	20.00%	104.41%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• HDTL dầu thô Brent giảm 1.52 USD, tương đương 2.2% xuống 69.17 USD/thùng. HDTL dầu thô Tây Texas WTI giảm 1.64 USD tương đương 2.4% xuống 66.64 USD/thùng. HDTL dầu thô tiếp tục giảm mạnh chủ yếu do yêu cầu hạn chế đi lại của Nhà nước Trung Quốc, gây lo ngại về cầu dầu trong giai đoạn tới. Cùng với đó, dữ liệu xuất nhập khẩu công bố vào cuối tuần qua kém tích cực, góp phần tác động tiêu cực đối với giá dầu. Thặng dư thương mại đạt 56.58 tỷ USD trong tháng 7/2021, thấp hơn mức 60.50 tỷ USD trong tháng 7 năm 2020. Xuất khẩu tăng 19.3% YoY trong tháng 7 lên 282.66 tỷ USD, sau khi tăng 32.2% YoY trong tháng 6. Nhập khẩu tăng 28.1% YoY trong tháng 7 lên 226.08 tỷ USD, sau khi tăng 32.2% YoY trong tháng 6. Lượng dầu nhập khẩu hàng ngày tháng 7 đạt 9.71 triệu thùng/ngày trong tháng 7/2021, thấp hơn mức 12.94 triệu thùng/ngày trong tháng 7/2020.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 1.1% xuống 1,744.25 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 trên sàn New York giảm 1.1% xuống 1,744.50 USD/ounce. Vàng giảm mạnh chủ yếu bởi báo cáo lao động tích cực tại Hoa Kỳ làm tăng kỳ vọng về việc FED sớm thu hẹp các biện pháp nới lỏng định lượng.

	9/8	% 9/8	6/8	% 6/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1359.86	1.37%	1341.45	-0.30%	3.47%	-1.08%
S&P 500			4436.52	0.17%	0.94%	1.80%
HDTL S&P500	4420.75	-0.20%	4429.40	0.18%	0.94%	2.50%
Shang- hai	3494.64	1.05%	3458.23	-0.24%	0.88%	-0.88%
Euro Stoxx	4177.59	0.07%	4174.54	0.32%	1.48%	4.66%

Phân tích kỹ thuật
PVT_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.
- MA: sắp xuất hiện golden cross (MA20 cắt MA50)

Nhận định: PVT đang nằm trong xu hướng tăng từ vùng đáy 17.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục tích cực. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên 2 đường MA và dải mây ichimoku, báo hiệu xu hướng hồi phục khá tốt. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 20 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 23.5 Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 18.5.

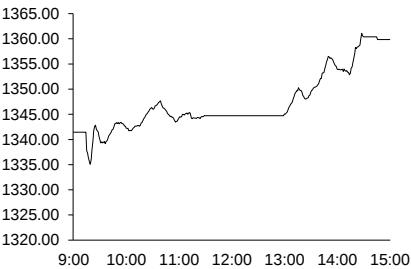
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	3.91%
Viễn thông	3.26%
Hóa chất	3.04%
Truyền thông	2.77%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.34%
Tài nguyên Cơ bản	2.25%
Xây dựng và Vật liệu	1.99%
Thực phẩm và đồ uống	1.85%
Bảo hiểm	1.69%
Bất động sản	1.34%
Bán lẻ	1.32%
Công nghệ Thông tin	1.02%
Ngân hàng	0.79%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.77%
Ô tô và phụ tùng	0.58%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.46%
Du lịch và Giải trí	0.38%
Y tế	0.00%
Dầu khí	-0.07%

Hình 1

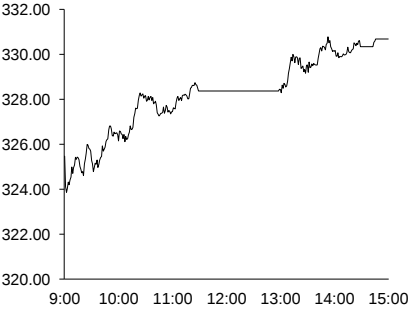
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

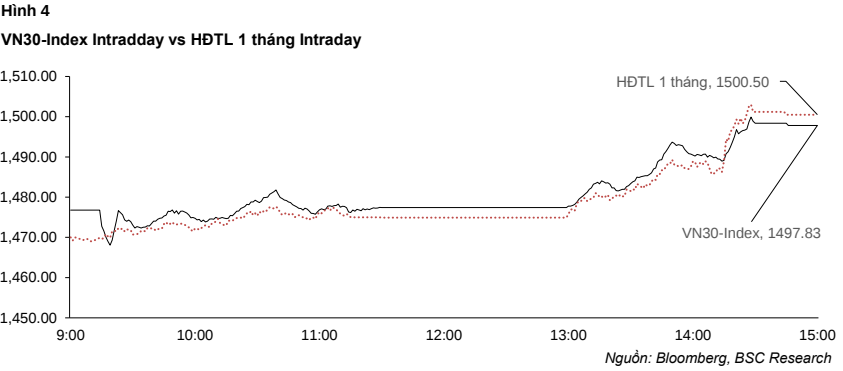
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	27.9	3	6.90%	Có thể tiếp tục mua
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	34.1	4	3.02%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	52.9	5	1.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	32.3	6	8.03%	Có thể tiếp tục mua
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	23.5	7	6.33%	Có thể tiếp tục mua
30/7/21	BCC	10.8	13	10	11.9	10	10.19%	Có thể tiếp tục mua
29/7/21	CTG	33.9	40	32	34.55	11	1.92%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	24.7	12	4.66%	Có thể tiếp tục mua
26/7/21	GVR	32.5	37.5	30	35.2	14	8.31%	Có thể tiếp tục mua
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	38.65	18	18.38%	Cần nhắc không mua thêm (**)
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	30.95	19	3.86%	Có thể tiếp tục mua
19/7/21	CTR	75	85	69.3	82.4	21	9.87%	Có thể tiếp tục mua
16/7/21	PDR	90.2	106.5	85	93.6	24	3.77%	Có thể tiếp tục mua
15/7/21	ACB	32.75	38	30	36.5	25	11.45%	Có thể tiếp tục mua
14/7/21	ACV	75	84	72	76	26	1.33%	Có thể tiếp tục mua
13/7/21	KBC	32.5	40	30	36.5	27	12.31%	Có thể tiếp tục mua
9/7/2021	ITD	18	20.25	15.25	19	31	5.56%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	173.8	33	4.83%	Có thể tiếp tục mua
6/7/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	52.5	34	15.64%	Có thể tiếp tục mua
31/5/21	PC1	27.6	32.5	23.5	28.95	70	4.89%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	TP	11	11.31%
20/7/21	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
12/7/2021	VPG	38	42	32.5	TP	9	10.53%
8/7/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
5/7/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
2/7/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
1/7/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
30/6/21	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
29/6/21	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
28/6/21	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
25/6/21	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
24/6/21	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
23/6/21	CTD	65.4	72	58.5	SL	26	-10.55%
22/6/21	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	20	0	7.12%	0.00%	7.12%	20
Cổ phiếu đã chốt	164	109	13.62%	-7.87%	5.04%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1500.50	1.87%	2.67	-8.6%	197,791	8/19/2021	12
VN30F2109	1498.90	1.82%	1.07	-14.7%	476	9/16/2021	40
VN30F2112	1500.00	1.85%	2.17	-92.9%	38	12/16/2021	131
VN30F2203	1499.00	1.12%	1.17	85.0%	37	3/17/2022	222

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +21.04 điểm lên 1497.83 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, MSN, VHM, ACB, TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên sáng giằng co quanh quanh 1475-1480 điểm, trước khi tăng tích cực trong phiên chiều lên quanh 1500 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2108, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2103	8/13/2021	4	6:1	152,900	37.93%	3,000	8,620	13.27%	8,841	0.98	106,000	88,000	141,000
CHPG2107	8/12/2021	3	5:1	815,000	39.24%	1,300	1,490	10.37%	-		48,463	43,684	49,700
CHPG2108	8/12/2021	3	5:1	736,700	39.24%	1,200	1,450	8.21%	-		48,124	43,713	49,700
CKDH2102	8/13/2021	4	2:1	229,700	33.41%	2,800	7,510	8.06%	5,633	1.33	33,364	28,273	42,350
CKDH2002	8/16/2021	7	4:1	236,800	33.41%	1,600	4,770	4.38%	3,760	1.27	30,666	24,848	42,350
CHPG2106	8/27/2021	18	2:1	114,900	39.24%	4,100	8,900	2.89%	775	11.49	42,937	36,908	49,700
CTCB2101	10/5/2021	57	1:1	47,300	40.25%	5,000	23,890	1.23%	21,730	1.10	36,000	31,000	52,500
CSTB2104	8/27/2021	18	1:1	161,400	46.19%	4,000	8,600	1.06%	7,855	1.09	26,900	22,900	30,700
CMWG2104	3/22/2022	225	10:1	95,500	34.16%	2,400	6,460	0.78%	4,574	1.41	159,000	135,000	173,800
CVNM2107	1/7/2022	151	10:1	635,500	25.97%	1,500	1,700	0.59%	281	6.05	113,000	98,000	87,700
CFPT2103	1/7/2022	151	5:1	474,300	32.31%	3,000	3,700	0.27%	1,564	2.37	115,000	100,000	97,500
CHPG2109	1/10/2022	154	1:1	111,600	39.24%	4,000	8,400	0.00%	3,412	2.46	59,000	55,000	49,700
CVPB2104	8/27/2021	18	3:1	156,500	40.17%	2,500	4,550	-1.30%	4,042	1.13	56,500	49,000	61,000
CPDR2102	9/27/2021	49	5:1	235,600	36.77%	1,100	3,460	-3.89%	1,580	2.19	94,499	88,999	93,600
CNVL2102	9/27/2021	49	16:1	340,200	35.78%	1,100	2,400	-4.00%	34	70.90	107,608	94,636	106,000
CPDR2101	9/27/2021	49	5:1	512,500	36.77%	1,100	2,300	-6.88%	1,211	1.90	94,388	88,888	93,600
CSTB2105	1/10/2022	154	1:1	137,100	46.19%	4,000	7,060	-9.83%	4,268	1.65	34,000	30,000	30,700
CMBB2103	1/7/2022	151	1.48:1	433,400	38.89%	3,000	3,300	-12.93%	1,015	3.25	53,000	47,000	29,900
CFPT2102	1/10/2022	154	5:1	132,400	32.31%	4,000	5,950	-13.39%	2,653	2.24	110,000	90,000	97,500
CMWG2106	1/7/2022	151	10:1	387,900	34.16%	3,000	3,160	-13.42%	1,401	2.26	210,000	180,000	173,800
Tổng				5,994,300	37.20%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 9/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm, trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CVHM2105 và CMSN2103 tăng mạnh lần lượt là 17.65% và 13.27%. Trái lại, CVNM2106 và CMWG2106 giảm mạnh lần lượt là -27.27% và -13.42%. Giá trị giao dịch giảm -43.51%. CFPT2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.30% thị trường.
- CVHM2105, CMSN2103, CMWG2105, CSTB2104, và CTCB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CMSN2103, và CSTB2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

CẬP NHẬT- VNM (HOSE) - CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

BSC khuyến nghị **MUA** cổ phiếu VNM với giá mục tiêu là **105,960 đồng/cp – Upside 21.5%** so với giá đóng cửa ngày 6/8/2021. Dựa trên dự báo của BSC cho năm 2021, giá hiện tại của VNM tương ứng với P/E fw = 17.6 lần, P/B FW 4.2 lần

VNM - TP:105,960 Đồng - P/E fw =17.6x						
	Q2/2021	Q2/2020	%YoY	1H/2021	1H/2020	%YoY
Cơ cấu doanh thu	15%					
Doanh thu nội địa	13,251	13,365	-1%	24,429	25,457	-4%
Doanh thu xuất khẩu	1,606	1,370	17%	2,772	2,451	13%
Doanh thu công ty con	859	761	13%	1,705	1,741	-2%
DT MCM	790	735	7%	1,411	1,368	3%
Doanh thu thuần	15,716	15,495	1%	28,906	29,648	-3%
Lãi gộp	6,854	7,138	-4%	12,609	13,744	-8%
GPM	43.6%	46.1%	-2%	43.6%	46.4%	-3%
Chi phí bán hàng	(3,186)	(3,383)	-6%	(5,772)	(6,387)	-10%
Chi phí QLDN	(389)	(374)	4%	(757)	(763)	-1%
SG&A/Rev	22.7%	24.2%	-1%	22.6%	24%	-2%
EBIT	3,279	3,381	-3%	6,081	6,593	-8%
Biên EBIT	21%	22%	-1%	21%	22%	-1%
Thu nhập tài chính	293	335	-13%	578	620	-7%
Chi phí tài chính	(42)	(1)	6148%	(49)	(123)	-61%
Thu nhập khác, ròng	(17)	(10)	63%	66	(15)	344%
LNTT	3,494	3,711	-6%	6,648	7,070	-6%
LNST	2,862	3,085	-7%	5,459	5,861	-7%
Biên LNST	18%	20%	-9%	19%	20%	-4%
LNST - LICĐTS	2,835	3,072	-8%	5,411	5,837	-7%

‘KQKD Q2/2021:
DTT và LNST Q2/2021 đạt lần lượt 15,716 tỷ đồng (+1% YoY) và 2,862 tỷ đồng(-7%YoY). Nguyên nhân DT tăng 1% do
(1) DT nội địa giảm nhẹ 1% YoY, do tiếp tục bị ảnh hưởng bởi COVID-19 và các biện pháp cách ly khiến sức mua suy giảm. Tuy nhiên, DT Q2/2021 có dấu hiệu phục hồi từ mức giảm 9% trong Q1/2021 nhờ điều chỉnh tăng giá bán trung bình ~2% từ tháng 5/2021 và tăng cường các hoạt động kích cầu, cho ra mắt các sản phẩm mới. Ngoài ra, MCM đạt mức tăng trưởng 7.6% YoY nhờ tận dụng hiệu quả giá trị cộng hưởng về thương hiệu và kênh phân phối.
(2) DT thị trường xuất khẩu +17%YoY nhờ đóng góp chính từ thị trường Trung Đông và các đơn hàng mới từ Mỹ, Châu Âu cho thấy dấu hiệu phục hồi về nhu cầu tiêu dùng trên thế giới.
(3) DT Các chi nhánh nước ngoài tăng trưởng 12.8% YoY, Do (3.1) Driftwood: Tăng trưởng hai chữ số, nhờ tác động tích cực của vaccine khiến các trường học tại Mỹ dần mở cửa trở lại sau hơn một năm đóng cửa do Covid-19; (3.2) Angkor milk: tăng trưởng nhẹ ~3%YoY do tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tại khu vực Châu Á.
Biên lợi nhuận gộp đạt 43.6% (-2.45ppt YoY), tương đương với Q1/2021, do tăng giá~2% từ tháng năm chỉ có thể bù đắp một phần mức tăng cao của giá NVL từ Q1/2021.
Chi phí bán hàng và QLDN/DT (-150bps YoY): Duy trì xu hướng tiết giảm chi phí theo điều kiện kinh doanh so với 2020, nhưng tăng 36bps QoQ, do VNM tiến hành các hoạt động Marketing nhằm đón đầu đà phục hồi nhu cầu trong 2H/2021.
Biên lợi nhuận ròng của VNM suy giảm từ 20% xuống còn 18%, chủ yếu do (1) biên lợi nhuận gộp giảm và (2) một số ưu đãi thuế đã kết thúc nên thuế suất TNDN hiệu lực tăng lên 18,1% so với cùng kì là 16.6%.
KQKQ T7/2021: DT tăng 6% YoY chủ yếu đến từ nhu cầu nội địa, trong đó kênh Hiện đại (+50%YoY) chiếm ~22% doanh thu nội địa của VNM do nhu cầu tích trữ hàng hóa trong giai đoạn giãn cách xã hội.

Dự báo KQKD
Q3/2021: Chúng tôi dự kiến Biên lợi nhuận gộp Q3 của VNM sẽ có sự cải thiện so với 1H/2021 nhờ (1) giá bán đã tăng từ tháng 5/2021 và (2) giá nguyên vật liệu vẫn đang duy trì ở mức cao, khi Trung Quốc giảm nhập khẩu và sản lượng sản xuất các sản phẩm sữa bột tăng ở nhiều khu vực.
KQKD 2021:DTT và LNST dự kiến đạt lần lượt là 60,886 tỷ đồng (+2% YoY) và 11,334 tỷ đồng (+0.9% YoY), tương đương EPS fw là 4,958đ, PE fw là 17.6x, PB fw là 4.2x. BSC cho rằng
(1) VNM sẽ kỳ vọng phục hồi thị trường nội địa sau khi Việt Nam kiểm soát được dịch COVID-19 và tiêm chủng vaccine cho người dân trong cuối 2021;
(2) Biên gộp VNM ở mức 43-44% với kỳ vọng giá nguyên vật liệu có xu hướng giảm trong cuối năm 2021 khi Trung Quốc ngừng nhập siêu nguyên vật liệu và bắt đầu chính sách thắt chặt tiền tệ;
(3) Giảm chi phí quảng cáo marketing do sức mua giảm, tỷ lệ SGA/REV ở mức 23% thấp hơn năm trước là 25.6%;
(4) *VNM đang giao dịch ở mức PE TTM là 17.6x thấp hơn bình quân PE Trailing 5 năm là 22.2x* do yếu tố chính là COVID-19, vì thế chúng tôi cho rằng nếu dịch COVID-19 được kiểm soát tốt và kinh tế trở lại bình thường thì VNM sẽ quay trở lại giá trị thật của doanh nghiệp.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	173.8	1.3%	0.9	3,591	4.8	9,051	19.2	4.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	96.5	0.3%	1.0	954	1.8	5,816	16.6	3.8	49.0%	25.4%
BVH	Bảo hiểm	53.9	0.2%	1.4	1,740	1.7	2,548	21.2	2.0	26.8%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	40.8	6.0%	0.5	397	0.4	3,495	11.7	1.2	53.0%	10.9%
VIC	Bất động sản	113.1	-0.2%	0.7	16,633	15.8	2,174	52.0	4.7	15.2%	9.0%
VRE	Bất động sản	28.6	2.3%	1.1	2,826	8.4	1,175	24.3	2.2	30.5%	9.3%
VHM	Bất động sản	117.4	3.1%	1.0	16,791	31.8	9,941	11.8	4.0	23.4%	39.9%
DXG	Bất động sản	23.5	1.5%	1.3	528	5.2	1,586		1.4	28.8%	11.0%
SSI	Chứng khoán	59.3	5.1%	1.5	1,689	58.2	2,817	21.0	3.4	49.8%	16.5%
VCI	Chứng khoán	57.0	4.8%	1.0	825	19.6	3,459	16.5	3.6	20.8%	25.4%
HCM	Chứng khoán	51.8	5.1%	1.6	687	20.1	2,899	17.9	3.3	48.1%	19.4%
FPT	Công nghệ	97.5	0.9%	0.9	3,847	12.4	4,233	23.0	5.3	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	85.5	4.3%	0.4	1,221	0.2	4,304	19.9	5.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	93.0	0.6%	1.3	7,739	4.2	4,077	22.8	3.8	2.8%	16.2%
PLX	Dầu khí	52.9	0.0%	1.5	2,861	3.9	2,915	18.1	2.8	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	25.3	0.0%	1.7	526	13.2	1,160	21.8	1.0	7.8%	4.5%
BSR	Dầu khí	19.4	0.0%	0.8	2,615	14.5	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.3	-1.4%	0.4	536	0.0	5,761	16.4	3.6	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	31.0	6.9%	0.8	527	10.7	1,928	16.1	1.5	14.1%	9.4%
DCM	Hóa chất	22.7	6.8%	0.7	521	8.1	1,122	20.2	1.9	1.8%	9.4%
VCB	Ngân hàng	98.3	0.2%	1.1	15,851	5.2	5,709	17.2	3.6	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	43.2	0.6%	1.3	7,546	3.2	2,477	17.4	2.1	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	34.6	1.2%	1.3	7,219	23.1	3,692	9.4	1.8	24.5%	20.9%
VPB	Ngân hàng	61.0	0.7%	1.2	6,510	23.3	5,052	12.1	2.5	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	29.9	0.8%	1.2	4,912	16.6	2,764	10.8	2.1	22.1%	21.5%
ACB	Ngân hàng	36.5	2.7%	1.0	4,288	30.3	3,589	10.2	2.4	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	56.7	-0.2%	0.7	202	0.1	6,160	9.2	1.9	83.6%	20.3%
NTP	Nhựa	48.9	0.0%	0.4	250	0.1	4,085	12.0	2.1	19.2%	18.3%
MSR	Tài nguyên	20.8	2.0%	0.7	994	0.7	39	533.3	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	49.7	2.7%	1.1	9,665	64.6	4,056	12.3	3.4	26.7%	31.3%
HSG	Thép	38.8	2.1%	1.4	825	18.0	7,745	5.0	1.9	10.3%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	87.7	0.6%	0.6	7,969	10.4	4,572	19.2	5.8	55.2%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	155.1	-0.1%	0.8	4,324	1.0	7,293	21.3	4.8	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	141.0	4.8%	0.9	7,237	9.1	1,281	110.1	10.2	33.5%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	19.3	0.8%	1.2	517	2.4	1,131	17.0	1.5	8.9%	8.7%
ACV	Vận tải	76.0	-0.9%	0.8	7,193	0.6	577	131.7	4.4	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	119.5	1.8%	1.1	2,814	3.1	2,256		4.3	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	21.4	-1.6%	1.7	2,059	0.7	(7,377)		26.6	9.1%	-155.4%
GMD	Vận tải	49.1	1.7%	1.0	643	6.7	1,246	39.4	2.4	41.9%	6.2%
PVT	Vận tải	20.1	5.0%	1.4	282	5.4	2,281	8.8	1.3	15.2%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	122.9	2.4%	0.9	855	2.3	9,806	12.5	4.6	3.9%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	31.9	6.9%	0.4	622	1.5	1,604	19.9	2.2	5.6%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.4	0.3%	0.9	271	0.5	1,651	9.9	1.1	2.9%	11.3%
CTD	Xây dựng	65.9	0.8%	1.0	212	0.9	3,352	19.7	0.6	43.8%	3.0%
CII	Xây dựng	17.5	1.7%	0.5	181	1.1	56	313.6	0.9	22.3%	0.2%
REE	Điện	55.9	3.5%	-1.4	751	2.5	5,806	9.6	1.4	49.0%	15.8%
PC1	Điện	29.0	6.8%	-0.4	241	4.6	2,371	12.2	1.4	10.1%	13.2%
POW	Điện	11.2	1.4%	0.6	1,135	3.2	1,037	10.7	0.9	3.0%	8.6%
NT2	Điện	19.1	0.8%	0.5	238	0.2	1,093	17.4	1.3	13.8%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	36.5	2.8%	1.1	745	15.2	1,639	22.3	1.7	19.4%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	46.8	5%	1.0	2,106	0.4			3.1	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	117.40	3.07	3.17	6.33MLN
MSN	141.00	4.83	2.08	1.53MLN
HPG	49.70	2.69	1.57	30.42MLN
GVR	35.20	2.92	1.08	5.09MLN
ACB	36.50	2.67	0.70	19.24MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
NVL	0.00	-0.60	3.96MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.18	3.22MLN	607060
HVN	0.00	-0.13	788200	373600
DHG	0.00	-0.05	2400	192700
VCG	0.00	-0.04	508900	611640

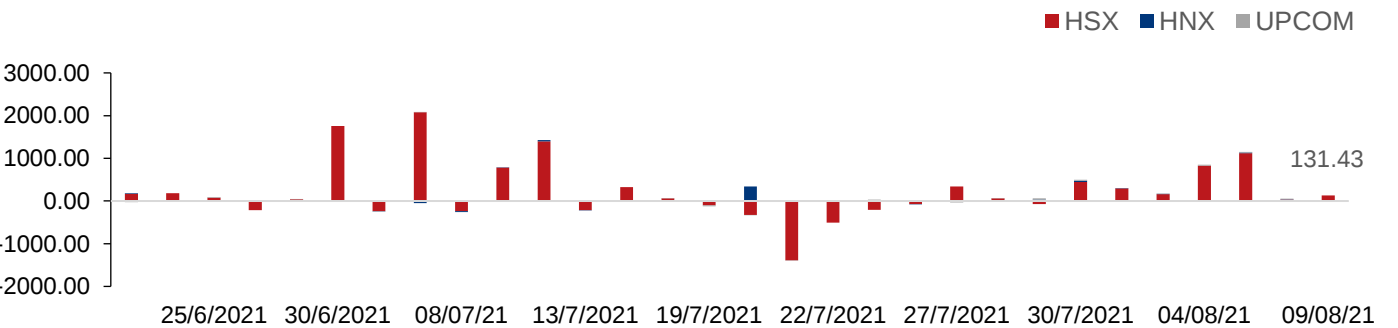
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAH	13.00	7.00	0.01	1.80MLN
KPF	11.50	6.98	0.01	136100
DTA	10.60	6.96	0.00	248400
VRC	7.99	6.96	0.01	770300
NHA	26.95	6.94	0.01	370900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU3	7.35	-6.96	0.00	2600
PTL	8.31	-6.94	-0.02	77000
SMA	9.25	-6.57	0.00	5700.00
TNC	27.80	-6.40	-0.01	6200
SVI	70.10	-5.27	-0.01	2000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	36.5	3,589	10.2	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	76.0	577	131.7	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	30.6	1,686	18.1	1.6	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	9.8	600	16.3	0.9	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	9.3	-411		0.9	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	34.9	3,949	8.8	1.4	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	34.6	3,692	9.4	1.8	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	22.7	1122.1	20.2	1.9	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	98.5	5,868	16.8	3.8	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	159.6	9,205	17.3	5.1	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	38.7	4,873	7.9	2.1	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	31.0	1,928	16.1	1.5	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.1	2,868	11.9	2.4	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	23.5	1,586		1.4	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	17.4	674	25.7	1.0	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	97.5	4,233	23.0	5.3	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	34.2	3,617	9.5	2.7	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	35.2	1,201	29.3	2.9	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	49.7	4,056	12.3	3.4	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	38.8	7,745	5.0	1.9	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.4	1,651	9.9	1.1	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.8	-1,169		0.8	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	42.4	1,946	21.8	3.1	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	52.5	6,758	7.8	1.9	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	25.7			2.0	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	71.7	5,257	13.6	2.5	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	173.8	9,051	19.2	4.8	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	44.6	3,925	11.4	2.0	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	29.0	2,371	12.2	1.4	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	33.5	2,380	14.1	2.0	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	96.5	5,816	16.6	3.8	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	11.2	1,037	10.7	0.9	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.4	0	120.3	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.3	1,160	21.8	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	19.3	1,131	17.0	1.5	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	33.0	1,064	31.0	3.4	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	48.8	15775.2	3.1	1.3	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.5	4,613	11.4	2.2	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	98.3	5,709	17.2	3.6	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	17.9	570	31.4	1.4	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	42.5	4,038	10.5	1.4	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	117.4	9,941	11.8	4.0	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	61.0	5,052	12.1	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	28.6	1,175	24.3	2.2	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	86.0	3,256	26.4	7.4	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639